

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 09/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (ĐHKHCNHN);

Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường ĐHKHCNHN;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-ĐHKHCN ngày 09/09/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHCNHN về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-ĐHKHCN ngày 03/03/2026 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHCNHN về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-ĐHKHCN ngày 27/11/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHKHCNHN về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học năm 2025;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh trình độ đại học năm 2026 của Trường ĐHKHCNHN.

Điều 2. Chánh Văn phòng, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học, Trưởng phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng và Khảo thí, Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ, Trưởng các Khoa chuyên môn và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HT, các PHT;
- Lưu: VT, DAC. LL.



Ref.: 171/QĐ-ĐHKHCN

Hanoi, March 11, 2026

DECISION

On promulgating the Admissions information for Bachelor's programs in 2026

RECTOR OF

UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY OF HANOI

Pursuant to Decision No. 2067/QĐ-TTg dated on December 09th, 2009 by the Prime Minister on the establishment of University of Science and Technology of Hanoi (USTH);

Pursuant to Decision No. 2557/QĐ-TTg dated on December 30th, 2016 by the Prime Minister on issuing the Organization and Operation Regulations of the USTH;

Pursuant to Circular No. 06/2026/TT-BGDĐT dated on Feb 15th, 2026 by the Ministry of Education and Training on Promulgating the Admissions Policy for Bachelor and associate degree programs in Early Childhood Education;

Pursuant to Decision No. 837/QĐ-ĐHKHCN dated Sep 09th, 2025 by the USTH Rector on issuing the Undergraduate Credit-based Academic Policies;

Pursuant to Decision No. 141/QĐ-ĐHKHCN dated on Feb 03rd, 2026 by the USTH Rector on issuing the Admissions Policy for Bachelor programs;

Pursuant to Decision No. 1188/QĐ-ĐHKHCNHN dated Nov 27th, 2025 by the USTH Rector on establishing the Admissions Committee for Bachelor's programs in 2025;

According the request by the chairman of the Admissions Committee for Bachelor's programs.

DECIDES:

Article 1. Promulgating the Admissions information for Bachelor's programs in 2025 of the USTH enclosed with this Decision.

Article 2. Director of Administration Office, Chairman of Admissions Committee for Bachelor's programs, Director of Department of Admissions and Communications, Director of Department of Quality Assurance and Examination, Directors of academic departments, Director of Accounting - Finance Department and members in Article 1 shall be in charge of implementing the Decision./.

Recipients:

- As Art.2;
- Rector; Vice - Rectors;
- For record: Archives, DAC. LL.

PRINCIPAL RECTOR

(Signed and Stamped)

Jean-Marc Lavest



VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-KHCNHN ngày 11 tháng 3 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học khoa học và Công nghệ Hà Nội)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo

Tên Trường

Tiếng Việt: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội

Tiếng Anh: University of Science and Technology of Hanoi

Tên viết tắt

Tiếng Việt: Trường ĐHKHCNHN

Tiếng Anh: USTH

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: KCN

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu)

- 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội

- 68 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, Hà Nội

- Khu nghiên cứu Triển khai Công nghệ Cổ Nhuế, Cổ Nhuế 2, Đông Ngạc, Hà Nội

- Mini USTH Hoà Lạc, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, Nạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

Địa chỉ trang web của Trường: <https://usth.edu.vn/>

Địa chỉ trang web tuyển sinh: <https://tuyensinh.usth.edu.vn>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; Thông tin tuyển sinh, quy chế thi tuyển sinh

Quy chế tuyển sinh:

<https://usth.edu.vn/tuyen-sinh/quy-che-de-an/>

Đề án, quy chế thi tuyển sinh:

<https://usth.edu.vn/chuyen-muc-bao-dam-cl-kt/khao-thi/quy-dinh-quy-che-kt/>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

Tel: 0084 24 7772 7748 - 0084 24 7774 7748

Hotline: 084 9182 39506

Ch

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

Địa chỉ trang web của Trường: <http://usth.edu.vn/cong-khai/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

- Công dân Việt Nam và nước ngoài, tốt nghiệp THPT vào năm dự tuyển hoặc các năm trước đáp ứng đủ các điều kiện sau:
- Đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển theo từng phương thức xét tuyển quy định tại Thông tin tuyển sinh của Trường;
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Trường;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

Trường tổ chức xét tuyển theo 04 phương thức:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do Trường tổ chức
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên năng lực học tập kết hợp phỏng vấn
- Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo Thông tin tuyển sinh của trường
- Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do Trường tổ chức (Mã phương thức xét tuyển: 401)

- Đối tượng xét tuyển:

+ Thí sinh có kết quả học tập trong năm học lớp 11 và lớp 12 được đánh giá từ mức Khá trở lên

+ Thí sinh tham dự kỳ thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) do Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (ĐHKHCNHN) tổ chức.

- Quy trình xét tuyển bao gồm 3 bước:

Bước 1: Nộp hồ sơ đăng ký trực tuyến

Bước 2: Đánh giá khả năng tư duy và khối kiến thức phù hợp cho các chương trình học thông qua Bài thi kiến thức

Bước 3: Thí sinh tham dự phỏng vấn trực tuyến với hội đồng phỏng vấn tuyển sinh nhằm đánh giá sự phù hợp, động lực học tập, hiểu biết về ngành học, tư duy logic, và năng lực giao tiếp thông qua phần Phỏng vấn

Kết quả:

1. Kết quả thi ĐGNL của thí sinh là tổng điểm (T) của Bài thi kiến thức (K), Phỏng vấn (P) và Điểm thưởng (Th) (nếu có).

2. Công thức tính điểm thi ĐGNL như sau:

$$T = 0,65 \times K + 1 \times P + 1 \times Th$$

(a) $Th_{max} = 5$ điểm. Điều kiện áp dụng tính điểm thưởng: thí sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu khoa học, và những hoạt động đóng góp cho cộng đồng. Điểm thưởng được quy đổi theo quy định tại mục 5

(b) $P_{max} = 35$ điểm.

(c) $K_{max} = 100$ điểm.

(d) $T_{max} = 100$ điểm.

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên năng lực học tập kết hợp phỏng vấn (Mã phương thức xét tuyển: 414)

2.2.1. Xét tuyển dựa trên các chứng chỉ quốc tế kết hợp phỏng vấn

- Đối tượng xét tuyển:

+ Thí sinh tốt nghiệp năm 2026 theo chương trình THPT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT);

+ Thí sinh có kết quả học tập trong năm học lớp 11 và lớp 12 được đánh giá tương đương mức Tốt trở lên;

+ Thí sinh có ít nhất một trong các chứng chỉ quốc tế sau: SAT từ 1100/1600 trở lên hoặc ACT từ 24/36 trở lên, trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày nộp hồ sơ). Riêng ngành Dược học ngoài mức điểm như trên, thí sinh cần có thêm chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.0 hoặc TOEFL iBT đạt từ 35 điểm trở lên.

- Quy trình xét tuyển bao gồm 2 bước: Xét hồ sơ năng lực và Phỏng vấn.

- Nguyên tắc xét tuyển:

Bước 1: Đánh giá hồ sơ dựa trên kết mức điểm của chứng chỉ quốc tế và các thành tích khác.

Bước 2: Thí sinh tham dự phỏng vấn trực tiếp với hội đồng phỏng vấn tuyển sinh của Trường nhằm đánh giá sự phù hợp, động lực học tập, hiểu biết về ngành học, tư duy logic, và năng lực giao tiếp thông qua phần Phỏng vấn.

Kết quả:

1. Kết quả xét tuyển của thí sinh là tổng điểm (T) của Chứng chỉ quốc tế (C), Phỏng vấn (P) và Điểm thưởng (Th) (nếu có).

2. Công thức tính điểm xét tuyển như sau:

$$T = C + P + Th$$

(a) $Th_{max} = 5$ điểm. Điều kiện áp dụng tính điểm thưởng: thí sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu khoa học, và những hoạt động đóng góp cho cộng đồng. Điểm

CH

thường được quy đổi theo quy định tại mục 5

(b) $P_{\max} = 35$ điểm.

(c) $C_{\max} = 65$ điểm.

(d) $T_{\max} = 100$ điểm.

3. Điểm quy đổi chứng chỉ quốc tế được quy định như sau Theo công thức sau

SAT	ACT
$C = \frac{\text{Điểm CC SAT}}{1600} \times 100 \times 65\%$	$C = \frac{\text{Điểm CC ACT}}{36} \times 100 \times 65\%$

2.2.2. Xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT kết hợp phỏng vấn

- Đối tượng xét tuyển:

+ Thí sinh tốt nghiệp năm 2026 theo chương trình THPT của Bộ GDĐT;

+ Thí sinh có kết quả học tập trong năm học lớp 11 và lớp 12 được đánh giá từ mức Tốt trở lên;

+ Thí sinh có điểm trung bình cộng của 03 trong 06 môn Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, tiếng Anh của cả năm học lớp 11 và lớp 12 phù hợp với một trong các tổ hợp môn xét tuyển của chương trình đào tạo đạt từ **8,30/10** trở lên. Riêng ngành Dược học ngoài mức điểm trung bình cộng như trên, thí sinh cần có thêm chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.0 hoặc TOEFL iBT đạt từ 35 điểm trở lên.

- Quy trình xét tuyển bao gồm 2 bước: Xét hồ sơ năng lực và Phỏng vấn.

- Nguyên tắc xét tuyển:

Bước 1: Đánh giá hồ sơ dựa trên kết quả học tập cấp THPT (học bạ) và các thành tích khác

Bước 2: Thí sinh tham dự phỏng vấn trực tiếp với hội đồng phỏng vấn tuyển sinh của Trường nhằm đánh giá sự phù hợp, động lực học tập, hiểu biết về ngành học, tư duy logic, và năng lực giao tiếp thông qua phần Phỏng vấn

Kết quả:

1. Kết quả thi ĐGNL của thí sinh là tổng điểm (**T**) của Học bạ (**HB**), Phỏng vấn (**P**) và Điểm thưởng (**Th**) (nếu có).

2. Công thức tính điểm thi ĐGNL như sau:

$$T = HB + P + Th$$

(a) $Th_{\max} = 5$ điểm. Điều kiện áp dụng tính điểm thưởng: thí sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu khoa học, và những hoạt động đóng góp cho cộng đồng. Điểm thưởng được quy đổi theo quy định tại mục 5

(b) $P_{\max} = 35$ điểm.

SAL

(c) $HB_{max} = 65$ điểm.

(d) $T_{max} = 100$ điểm.

3. Thang điểm quy đổi học bạ được quy định như sau:

TBC của 03 trong 06 môn Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, tiếng Anh của cả năm học lớp 11 và lớp 12 phù hợp với một trong các tổ hợp môn xét tuyển của chương trình đào tạo	Điểm quy đổi
8,3	42,5
8,40 – 8,59	44
8,60 – 8,79	47
8,80 – 8,99	50
9,00 – 9,19	53
9,20 – 9,39	56
9,40 – 9,59	59
9,60 – 9,79	62
9,80 trở lên	65

*** Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT theo chương trình quốc tế tại Việt Nam hoặc nước ngoài ĐHKHCNHN xét tuyển theo 2 phương thức tương ứng với các tiêu chí tuyển sinh như sau:**

a. Phương thức 1: Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do Trường tổ chức

- Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT, tham gia kỳ thi đánh giá năng lực do USTH tổ chức

- Chứng chỉ tốt nghiệp hoặc bảng điểm của thí sinh phải có ít nhất:

+ Điểm TBC 3 môn phù hợp tổ hợp xét tuyển đạt điểm C trở lên (khoảng 65%) đối với chương trình A-level (GCEA Level) - General Certificate of Education Level hoặc

+ Điểm TBC 3 môn phù hợp tổ hợp xét tuyển đạt điểm 4 trở lên (thang 7) đối với chương trình I IB-International Baccalaureate Diploma Program.

- Nguyên tắc xét tuyển như áp dụng cho Phương thức 1 tại mục 2.1

b. Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên năng lực học tập kết hợp phỏng vấn

- Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT, tham gia kỳ thi đánh giá năng lực do USTH tổ chức

- Chứng chỉ tốt nghiệp hoặc bảng điểm của thí sinh phải có ít nhất:

+ Điểm TBC 3 môn phù hợp tổ hợp xét tuyển đạt điểm A trở lên (khoảng 80%) đối với chương trình A-level (GCEA Level) - General Certificate of Education Level hoặc

+ Điểm TBC 3 môn phù hợp tổ hợp xét tuyển đạt điểm 6 trở lên (thang 7) đối với

chương trình I IB-International Baccalaureate Diploma Program.

+ Có ít nhất 1 trong các chứng chỉ QT sau: SAT 1100/1600 trở lên hoặc ACT từ 24/36 trở lên (trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ) và kết quả học tập năm lớp 11 và 12 được đánh giá tương đương mức Tốt trở lên.

+ Tham gia phỏng vấn.

- Nguyên tắc xét tuyển:

Bước 1: Đánh giá hồ sơ dựa trên kết quả học tập cấp THPT (học bạ) và các thành tích khác

Bước 2: Thí sinh tham dự phỏng vấn trực tiếp với hội đồng phỏng vấn tuyển sinh của Trường nhằm đánh giá sự phù hợp, động lực học tập, hiểu biết về ngành học, tư duy logic, và năng lực giao tiếp thông qua phần Phỏng vấn

Kết quả:

1. Kết quả xét tuyển của thí sinh là tổng điểm (T) của Kết quả học tập (KQ), Phỏng vấn (P) và Điểm thưởng (Th) (nếu có).

2. Công thức tính điểm xét tuyển như sau:

$$T = C + KQ + Th$$

(a) Th_{max} = 5 điểm. Điều kiện áp dụng tính điểm thưởng: thí sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu khoa học, và những hoạt động đóng góp cho cộng đồng. Điểm thưởng được quy đổi theo quy định tại mục 5

(b) KQ_{max} = 35 điểm.

(c) C_{max} = 65 điểm.

(d) T_{max} = 100 điểm.

3. Thang điểm quy đổi kết quả học tập được quy định như sau:

A-Level(%)	IB	Điểm quy đổi
80-81.99	6 - 6.14	42.5
82-83.99	6.15 - 6.29	44
84-85.99	6.3 - 6.44	47
86-87.99	6.45 - 6.59	50
88-89.99	6.6 - 6.74	53
90-91.99	6.75 - 6.89	56
92-93.99	6.9 - 6.99	59
94-95.99	7	62
96 trở lên	7	65

SH

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo Thông tin tuyển sinh của trường (Mã phương thức xét tuyển: 500)

- Đối tượng xét tuyển:

+ Bao gồm những thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm dự tuyển và đạt một trong các thành tích sau trong thời gian không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng:

+ Thí sinh thuộc một trong các đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh trình độ Đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành kèm theo Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 (điểm a, b, khoản 2 điều 8 của Quy chế tuyển sinh);

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia, cấp tỉnh (hoặc tương đương) các môn: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Địa lí;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba toàn quốc (đề tài liên quan đến khoa học tự nhiên) trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, khu vực và quốc tế (thông qua xét duyệt của hội đồng tuyển sinh của Trường);

+ Thí sinh là thành viên đội tuyển Quốc gia tham gia các kỳ thi quốc tế các môn khoa học tự nhiên, cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế (đề tài liên quan đến Khoa học tự nhiên).

- Quy trình xét tuyển bao gồm 2 bước

Bước 1: Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến

Bước 2: Thí sinh nhận kết quả xét tuyển sau khi Hội đồng tuyển sinh thông qua

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Xét hồ sơ năng lực dựa trên các thành tích theo quy định tại mục Đối tượng xét tuyển

Lưu ý:

+ Môn Địa lý chỉ áp dụng cho các thí sinh dự tuyển ngành Khoa học Vũ trụ và Công nghệ Vệ tinh.

+ Ngành Kỹ thuật Hàng không chỉ tuyển thẳng các thí sinh đạt giải Học sinh giỏi cấp thành phố trở lên các môn Toán, Vật lí và Tin học.

+ Ngành Dược học chỉ tuyển thẳng các thí sinh đạt giải Học sinh giỏi cấp thành phố trở lên của các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học

2.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT (Mã đăng ký: 100)

- Đối tượng xét tuyển:

+ Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT với tổ hợp các môn thi phù hợp được quy định cụ thể cho mã xét tuyển 100 và đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

- Quy trình xét tuyển:

+ Thí sinh tham gia thi tốt nghiệp THPT trong năm dự tuyển.

- + Thí sinh đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống xét tuyển chung của Bộ GDĐT.
- + Trường tham gia quy trình xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung theo quy định của Bộ GDĐT.
- Nguyên tắc xét tuyển:
 - + Xét tuyển theo điểm từ trên xuống đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự nguyện vọng, phương thức và tổ hợp xét tuyển.
- Thang điểm xét tuyển:
 - + Điểm xét tuyển bằng tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển theo quy định của từng ngành đào tạo và điểm ưu tiên, điểm khuyến khích (nếu có).

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh.

*** Ngưỡng đầu vào**

- Trường công bố ngưỡng điểm trúng tuyển quy đổi giữa các phương thức xét tuyển/nhóm đối tượng xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Dự kiến, bảng quy đổi ngưỡng điểm trúng tuyển giữa các phương thức/nhóm đối tượng xét tuyển sẽ được công bố sau khi có kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026
- Đối với các phương thức 1, 2, 3 ngưỡng đầu vào là điều kiện dự tuyển riêng của từng Phương thức xét tuyển và đáp ứng yêu cầu về nguồn tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT ban hành ngày 15/02/2026.
- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Công nghệ vi mạch bán dẫn: cần đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo Quyết định số 1314/QĐ-BGDĐT ngày 13/05/2025 và Quyết định số 2101/QĐ-BGDĐT ngày 22/07/2025 của Bộ GDĐT về Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ và các Hướng dẫn của Bộ GDĐT.
- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Khoa học và Công nghệ Y khoa và ngành Dược học cần đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học.

*** Quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển**

- Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển của cùng phương thức và cùng ngành/chương trình là bằng nhau (không có điểm chênh lệch)
- Điểm trúng tuyển được Trường xác định cho từng ngành/chương trình đào tạo.
- Quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển tương đương giữa các phương thức tuyển sinh thực hiện theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT. Thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Việc quy đổi tương đương điểm chứng chỉ tiếng Anh dành cho các thí sinh xét tuyển đại học năm 2026 được thực hiện theo Bảng tham chiếu quy đổi tương đương sau:

IELTS Academic	TOEFL (iBT)	TOEFL (ITP)	Cambridge English Scale	PTE Academic	APTIS ESOL (Advanced)	Thang điểm 10 Áp dụng với thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh để miễn thi tốt nghiệp THPT	Thang điểm 30 (Áp dụng với thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh để miễn thi môn tiếng Anh - bài thi kiến thức)
4.0					125-134	7.0	
4.5					135-144	7.5	
5.0	35 - 45	500	154	29	145-154	8.0	21
5.5	46 - 59	542	162	36	155-164	8.5	24,5
6.0	60 - 78	560	169	46	165-172	9.0	28
6.5	79 - 93	589	176	56	173-180	9.5	30
7.0	94 - 101	626	185	66	181-188	10.0	30
7.5	102 - 109	649	191	73	189-194	10.0	30
8.0	110 - 114	657	200	79	195-198	10.0	30
8.5	115 - 117	666	205	83	199-200	10.0	30
9.0	118 - 120	677	209+	87	N/A	10.0	30

4. Số lượng tuyển sinh:

Mã phương thức tuyển sinh được quy định như sau:

Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT : Mã xét tuyển 100

Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do Trường tổ chức: Mã xét tuyển 401

Xét tuyển dựa trên năng lực học tập kết hợp phỏng vấn: Mã xét tuyển 414

Xét tuyển thẳng theo Thông tin tuyển sinh của trường: Mã xét tuyển 500

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh (Mã xét tuyển)
1	KCN01	Công nghệ sinh học - Phát triển thuốc	7420201	Công nghệ sinh học	85	100;401;414;500
2	KCN01-1	Công nghệ sinh học - Phát triển thuốc (Song bằng)	7420201-01	Công nghệ sinh học	30	401
3	KCN02	Hóa học	7440112	Hóa học	30	100;401;414;500
4	KCN02-1	Hóa học (Song bằng)	7440112-01	Hóa học	20	401
5	KCN03	Khoa học vật liệu tiên tiến và Công nghệ Nano	7440122	Khoa học vật liệu	35	100;401;414;500

OK

6	KCN04	Khoa học Môi trường Ứng dụng	7440301	Khoa học môi trường	15	100;401;414;500
7	KCN05	Toán ứng dụng	7460112	Toán ứng dụng	25	100;401;414;500
8	KCN06	Khoa học dữ liệu	7480109	Khoa học dữ liệu	120	100;401;414;500
9	KCN07	Công nghệ thông tin - Truyền thông	7480201	Công nghệ thông tin	170	100;401;414;500
10	KCN07-1	Công nghệ thông tin - Truyền thông (Song bằng)	7480201- 01	Công nghệ thông tin	25	401
11	KCN08	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	100	100;401;414;500
12	KCN09	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	7510203	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	95	100;401;414;500
13	KCN10	Kỹ thuật Hàng không	7520120	Kỹ thuật Hàng không	80	401;414;500
14	KCN11	Khoa học Vũ trụ và Công nghệ Vệ tinh	7520121	Kỹ thuật không gian	35	100;401;414;500
15	KCN12	Kỹ thuật ô tô	7520130	Kỹ thuật ô tô	65	100;401;414;500
16	KCN13	Kỹ thuật điện và Năng lượng tái tạo	7520201	Kỹ thuật điện	30	100;401;414;500
17	KCN14	Công nghệ Vi mạch bán dẫn	7520401	Vật lý kỹ thuật	125	100;401;414;500
18	KCN15	Khoa học và Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	30	100;401;414;500
19	KCN16	Dược học	7720201	Dược học	50	100;401;414;500
20	KCN17	Khoa học và Công nghệ y khoa	7720601	Khoa học và Công nghệ y học	35	100;401;414;500
TỔNG					1200	

4.1 Danh mục tổ hợp môn xét tuyển:

* Áp dụng đối với phương thức Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do Trường tổ chức (PT1); Xét tuyển dựa trên năng lực học tập kết hợp phỏng vấn (PT2); Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT (PT4)

STT	Chương trình đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã TH
1	Công nghệ sinh học - Phát triển thuốc	7420201	Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
			Toán - Sinh học - Tiếng Anh	B08
2	Hóa học	7440112	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Hóa học - Tin học	X10
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
3	Khoa học vật liệu tiên tiến và Công nghệ Nano	7440122	Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Hóa học - Tin học	X10
4	Khoa học Môi trường Ứng dụng	7440301	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
			Toán - Hóa học - Tin học	X10
5	Khoa học dữ liệu	7460108	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Tin học - Tiếng Anh	X26
6	Toán ứng dụng	7460112	Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07

* Chương trình liên kết đào tạo cấp song bằng:

STT	Chương trình đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn	Mã TH
1	Công nghệ sinh học - Phát triển thuốc	7420201-01	Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
			Toán - Sinh học - Tiếng Anh	B08
2	Công nghệ thông tin - Truyền thông	7480201-01	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lí - Tin học	X06
			Toán - Tin học - Tiếng Anh	X26
3	Hóa học	7440112-01	Toán - Hóa học - Vật lí	A00
			Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Toán - Hóa học - Tin học	X10
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Thí sinh cần đáp ứng các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

- Xét tuyển theo điểm từ trên xuống đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự nguyện vọng.

sh

phương thức và tổ hợp xét tuyển.

- Thí sinh đã trúng tuyển nguyện vọng phía trên không được xét các nguyện vọng tiếp theo.
- Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 số thập phân.
- Trong trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển thì xét trúng tuyển theo tiêu chí phụ: ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.
- Riêng với chương trình Công nghệ vi mạch bán dẫn, Trường sẽ áp dụng tiêu chí phụ đối với điểm quy đổi môn Toán theo Quyết định 1314/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ.

b. Điểm cộng

- Đối với phương thức Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do Trường tổ chức, và phương thức Xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT kết hợp phỏng vấn thí sinh sẽ được cộng điểm thưởng như sau:

Nội dung	Điểm
Đạt giải Nhất, Nhì, Ba HSG cấp Quốc gia	5
Đạt giải Khuyến khích HSG cấp Quốc gia, Nhất HSG cấp Tỉnh hoặc Thành phố	4,5
Đạt giải Nhì HSG cấp Tỉnh hoặc Thành phố	4
Đạt giải Ba HSG cấp Tỉnh hoặc Thành phố	3,5
Đạt giải Khuyến khích HSG Cấp cấp Tỉnh hoặc Thành phố	3
Đạt giải HSG cấp Cụm – Trường	2
Chứng nhận giải thưởng về các môn khoa học tự nhiên hoặc lĩnh vực khoa học kỹ thuật	1-3
Thư giới thiệu	1
Chứng nhận tham gia các hoạt động xã hội	1

6. Tổ chức tuyển sinh : Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển tham khảo tại: <https://tuyensinh.usth.edu.vn/>

Đợt	Thời gian nhận hồ sơ	Kiểm tra kiến thức (PT1)	Phỏng vấn trực tuyến (PT1)
	(PT1, PT2, PT3)	Phỏng vấn trực tiếp (PT2)	Phỏng vấn trực tiếp (PT2)
1	28/01 - 28/02/2026	14/03 - 15/03/2026	21/03 - 22/03/2026
2	03/04 - 26/04/2026	09/05 - 10/05/2026	15/05 - 16/05/2026
3	06/2026	06/2026	06/2026
4	07-08/2026	Xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2026 của Bộ GDĐT (PT4)	

7. Chính sách ưu tiên

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển sử dụng kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT: Thí sinh sẽ được áp dụng chính sách ưu tiên theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Tiền dịch vụ đối với các phương thức xét tuyển kết hợp của Nhà trường là 500.000 đồng/thí sinh, nộp cùng hồ sơ đăng ký dự tuyển và không hoàn trả trong mọi trường hợp.
- Lệ phí xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT: Theo quy định của Bộ GDĐT

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Trường ĐHKHCNHN cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của Trường.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

- Thông tin về học bổng: Tổng quỹ học bổng (dự kiến) năm học 2026-2027 của Trường ĐHKHCNHN khoảng 16 tỷ đồng và Học bổng của các doanh nghiệp, tổ chức tài trợ khác.

10.1 Thông tin học phí năm 2026 :

Ngành/Chương trình đào tạo	Học phí/năm học 2026- 2027		Học phí VNĐ/tín chỉ	
	Sinh viên Việt Nam	Sinh viên quốc tế	Sinh viên Việt Nam	Sinh viên quốc tế
Ngành Kỹ thuật Hàng không (định hướng Kỹ thuật vận hành hoặc Kỹ thuật bảo dưỡng)	105.000.000 VND	145.000.000 VND	1.750.000 VNĐ	2.417.000 VNĐ
Ngành Kỹ thuật Hàng không (định hướng Kỹ thuật bảo dưỡng và B1/B2)	130.000.000 VND		2.167.000 VNĐ	
Ngành Dược học	77.000.000 VND		1.283.000 VNĐ	
Các ngành khác trong chương trình một bằng	59.000.000 VND	78.000.000 VND	984.000 VNĐ	1.300.000 VNĐ
Chương trình song bằng	79.000.000 VND	105.000.000 VND	1.400.000 VNĐ	1.750.000 VNĐ

Học phí thu theo học kỳ (2 học kỳ/năm).

NGHỆ

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất
11.1 Các chương trình đào tạo cấp 1 bằng:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1	KCN01	Công nghệ sinh học - Phát triển thuốc	7420201	Công nghệ sinh học	100;401; 414;500	100	81	21,60	70	68	19,25	
2	KCN02	Hóa học	7440112	Hóa học	100;401; 414;500	25	23	21,75	30	30	18,75	
3	KCN03	Khoa học vật liệu tiên tiến và Công nghệ Nano	7440122	Khoa học vật liệu	100;401; 414;500	30	29	22	34	33	21,75	

4	KCN04	Khoa học Môi trường Ứng dụng	7440301	Khoa học môi trường	100;401; 414;500	15	9	18,65	10	7	19,75	
5	KCN05	Toán ứng dụng	7460112	Toán ứng dụng	100;401; 414;500	22	21	21,15	20	20	19,25	
6	KCN06	Khoa học dữ liệu	7480109	Khoa học dữ liệu	100;401; 414;500	100	96	22,05	96	98	20	
7	KCN07	Công nghệ thông tin - Truyền thông	7480201	Công nghệ thông tin	100;401; 414;500	250	248	22,50	195	200	18,50	
8	KCN08	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	100;401; 414;500	80	78	23,00	90	88	21	

9	KCN09	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	7510203	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	100;401; 414;500	75	74	23,51	92	93	20,50	
10	KCN10	Kỹ thuật Hàng không	7520120	Kỹ thuật Hàng không	401;414; 500	40	34	Không xét điểm thi tốt nghệp THPT	60	60	66,1/100	
11	KCN11	Khoa học Vũ trụ và Công nghệ Vệ tinh	7520121	Kỹ thuật không gian	100;401; 414;500	30	28	21,65	34	33	18,35	
12	KCN12	Kỹ thuật ô tô	7520130	Kỹ thuật ô tô	100;401; 414;500	60	60	22	60	61	18,60	
13	KCN13	Kỹ thuật điện và Năng lượng tái tạo	7520201	Kỹ thuật điện	100;401; 414;500	16	16	20,80	25	25	19	

14	KCN14	Vật lý kỹ thuật điện tử (2023)/ Công nghệ Vi mạch bán dẫn (2024)	7520401	Vật lý kỹ thuật	100;401; 414;500	82	83	25,01	123	125	23	
15	KCN15	Khoa học và Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	100;401; 414;500	30	26	20,35	23	22	18,25	
16	KCN16	Dược học	7720201	Dược học	100;401; 414;500	50	44	23,57	38	36	20	
17	KCN17	Khoa học và Công nghệ y khoa	7720601	Khoa học và Công nghệ y học	100;401; 414;500	45	39	21,10	33	32	19,25	




11.2 Các chương trình đào tạo cấp Song bằng:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1	KCN01	Công nghệ sinh học - Phát triển thuốc	7420201-01	Công nghệ sinh học	401	25	20	67/100	25	24	74,95/100	
2	KCN03	Hóa học	7440112-01	Hóa học	401	25	18	61/100	20	18	67,65/100	
3	KCN02	Công nghệ thông tin - Truyền thông	7480201-01	Công nghệ thông tin	401	10	5	56/100	10	4	71,50/100	

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email)

Họ tên: Lê Thị Mai Lan

SĐT : 0948585876

Email: le-thi-mai.lan@usth.edu.vn

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG CHÍNH



Jean-Marc Lavest